

Số: /KH-UBND

Nghệ An, ngày tháng 3 năm 2025

KẾ HOẠCH

Sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình tổng thể Cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021-2030; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Quyết định số 145/QĐ-BNV ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Kế hoạch sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình tổng thể Cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021-2030; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính (sau đây viết tắt CCHC) nhà nước giai đoạn 2026-2030, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh CCHC giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Sơ kết 05 năm việc thực hiện Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đánh giá kết quả đã đạt được, chỉ ra những tồn tại, hạn chế, yếu kém, xác định nguyên nhân (khách quan và chủ quan), rút ra bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác CCHC giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

b) Phát hiện những sáng kiến và cách làm hay, những điển hình, mô hình tốt trong công tác CCHC;

c) Trên cơ sở thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng về cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong kỷ nguyên mới của đất nước, rà soát, điều chỉnh, bổ sung các mục tiêu thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh CCHC nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030.

2. Yêu cầu

a) Việc sơ kết, đánh giá phải bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức, gắn với công tác thi đua, khen thưởng;

b) Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 76/NQ-CP; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh CCHC trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030; các chương trình, kế hoạch của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ, của Bộ, ngành Trung ương; Ban Chỉ đạo

CCHC của tỉnh, UBND tỉnh để đánh giá toàn diện, hệ thống, khách quan, trung thực kết quả CCHC đạt được giai đoạn 2021-2025, những tồn tại, hạn chế, bài học kinh nghiệm để từ đó đề xuất được những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về công tác CCHC của tỉnh giai đoạn 2026-2030 theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế;

c) Báo cáo sơ kết phải đảm bảo chất lượng, toàn diện, chuyên sâu, có sức lan tỏa tích cực tới toàn xã hội và cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến chính quyền cơ sở.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP

1. Nội dung sơ kết

Thực hiện theo Đề cương kèm theo (Đề cương theo yêu cầu của Bộ Nội vụ).

2. Hình thức, phương pháp tiến hành

a) Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã

Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị, địa phương lựa chọn hình thức phù hợp để tổ chức sơ kết (hội nghị hoặc báo cáo bằng văn bản), đánh giá kết quả 05 năm (2021-2025) triển khai Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2030, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh CCHC giai đoạn 2026-2030; xét, lập hồ sơ đề nghị cấp trên khen thưởng những tập thể, cá nhân có nhiều thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2025 (**Theo văn bản hướng dẫn của Sở Nội vụ**). Việc tổ chức sơ kết ở UBND các xã, phường, thị trấn do UBND các huyện, thành phố, thị xã hướng dẫn.

b) Cấp tỉnh: UBND tỉnh sẽ tổ chức Hội nghị sơ kết toàn tỉnh.

III. THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Tháng 3/2025: UBND tỉnh ban hành kế hoạch sơ kết chung toàn tỉnh. Căn cứ kế hoạch của UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã xây dựng, ban hành kế hoạch sơ kết của cơ quan, đơn vị mình; hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc, địa phương tiến hành sơ kết 05 năm việc thực hiện Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2030, đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp CCHC Nhà nước giai đoạn 2026-2030.

2. Tháng 4/2025: UBND các xã, phường, thị trấn xây dựng dự thảo báo cáo, lấy ý kiến tham gia của các thành phần liên quan, tổng hợp hoàn thiện và gửi báo cáo sơ kết về UBND cấp huyện (qua Phòng Nội vụ) **trước ngày 25/4/2025**.

3. Tháng 5/2025: Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã tiến hành xây dựng báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2030 trong phạm vi trách nhiệm của mình, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy mạnh CCHC giai đoạn 2026-2030. Đối với

các Sở, ngành: Tư pháp, Nội vụ, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, trong báo cáo sơ kết đề nghị đánh giá cụ thể, đầy đủ, chính xác, cập nhật kịp thời các số liệu phản ánh toàn diện kết quả đạt được của tỉnh giai đoạn 2021-2025 các nội dung sau:

- a) Sở Tư pháp: Công tác cải cách thể chế;
- b) Sở Nội vụ: Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ;
- c) Sở Tài chính: Công tác cải cách tài chính công, bao gồm việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; thực hiện cơ chế tự của đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ công;
- d) Sở Khoa học và Công nghệ: Công tác xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số;
- đ) Văn phòng UBND tỉnh: Công tác cải cách thủ tục hành chính; một số nội dung về ứng dụng Công nghệ thông tin, về cung cấp dịch vụ công trực tuyến;
- e) Công an tỉnh: Kết quả thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06/CP).

Báo cáo sơ kết của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã kèm theo Phụ lục gửi về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) **trước ngày 20/5/2025**.

4. Tháng 6/2025: UBND tỉnh tổ chức hội nghị sơ kết toàn tỉnh và thực hiện công tác thi đua khen thưởng. Sau sơ kết, tổng hợp ý kiến, hoàn thiện Báo cáo sơ kết thực hiện Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2030; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh CCHC Nhà nước giai đoạn 2026-2030 của tỉnh Nghệ An gửi Bộ Nội vụ **trước ngày 30/6/2025**.

IV. THI ĐUA KHEN THƯỞNG

1. Các cơ quan, đơn vị thực hiện khen thưởng và đề xuất khen thưởng theo thẩm quyền đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2025 khi có yêu cầu (Giao Sở Nội vụ hướng dẫn bằng văn bản).

2. Số lượng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân quy định về khen thưởng sơ kết chuyên đề tối đa như sau:

- Tập thể: 10 bằng khen.
- Cá nhân: 10 bằng khen.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã

a) Căn cứ nội dung Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch, triển khai sơ kết; hướng dẫn các đơn vị trực thuộc triển khai công tác sơ kết theo kế hoạch đề ra;

b) Chuẩn bị Bài tham luận và trình bày tại Hội nghị sơ kết toàn tỉnh theo yêu cầu.

2. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cấp, các ngành thực hiện việc sơ kết;

b) Chủ trì, hướng dẫn, thẩm định, tham mưu việc tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

c) Tổng hợp báo cáo sơ kết của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã; xây dựng Báo cáo sơ kết của UBND tỉnh tại hội nghị toàn tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính tham mưu tổ chức Hội nghị sơ kết toàn tỉnh (mời đại biểu, bố trí Hội trường, thời gian, chương trình, hướng dẫn chuẩn bị Bài tham luận trình bày tại hội nghị,...).

đ) Sau hội nghị toàn tỉnh, hoàn thiện báo cáo sơ kết trình UBND tỉnh ký báo cáo gửi Bộ Nội vụ và cấp có thẩm quyền theo quy định.

3. Sở Tài chính: Tham mưu trình UBND tỉnh cấp kinh phí tổ chức Hội nghị sơ kết cấp tỉnh, kinh phí khen thưởng các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích xuất sắc trong việc thực hiện CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2025.

4. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An:

- Tuyên truyền, phản ánh kết quả thực hiện sơ kết 05 năm Chương trình Tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2030; đưa tin về Hội nghị sơ kết toàn tỉnh.

- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: Phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng phóng sự 05 năm thực hiện Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh trình chiếu tại Hội nghị.

- Báo Nghệ An: Xây dựng bài viết, đăng trên Báo Nghệ An về những kết quả đạt được trong công tác CCHC của tỉnh.

Yêu cầu các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã; triển khai đúng thời gian, tiến độ yêu cầu. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh;
- Thường trực TU, TT HĐND tỉnh ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành, thị;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Nghệ An;
- Lưu VT, KSTT (N).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Đình Long

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

**Sơ kết 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình tổng thể
CCHC Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, đề xuất nhiệm vụ,
giải pháp trọng tâm đẩy mạnh CCHC Nhà nước giai đoạn 2026 - 2030**
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh)

A. ĐỀ CƯƠNG CHUNG**Phần thứ nhất**

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CẢI CÁCH
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI**1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

- Tình hình phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước.
- Việc xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch CCHC hằng năm; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đơn đốc triển khai công tác CCHC.
- Đánh giá về mức độ nhận thức chấp hành triển khai thực hiện sau học tập, quán triệt của lãnh đạo các cấp và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.
- Công tác xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đơn đốc triển khai công tác CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Việc bố trí nguồn lực triển khai (kinh phí và nhân lực).
- Công tác theo dõi, đánh giá (đánh giá Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương; đánh giá sự hài lòng của cơ quan, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước).
- Những mô hình, sáng kiến trong CCHC đã được triển khai áp dụng.
- Công tác thi đua khen thưởng trong CCHC.

2. Kiểm tra việc thực hiện

- Việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch kiểm tra hàng năm và mức độ thực hiện.
- Đánh giá tác động của công tác kiểm tra đến sự chuyển biến trong công tác triển khai CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Những vấn đề lớn đã phát hiện và xử lý sau kiểm tra.

3. Thông tin, tuyên truyền

- Việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền CCHC hàng năm (hướng vào các nội dung chủ yếu: mục tiêu, nội dung chương trình kế hoạch...)
- Kết quả thực hiện kế hoạch: nội dung, các hình thức thông tin, tuyên truyền; mức độ hoàn thành kế hoạch; đánh giá hiệu quả của thông tin tuyên truyền đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của ngành, địa phương, người dân, doanh nghiệp và xã hội.

4. Đánh giá chung về công tác triển khai

- a) Mặt tích cực đạt được
- b) Tồn tại, hạn chế

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CCHC

Bám sát các mục tiêu (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể) và nội dung CCHC, nêu rõ kết quả đạt được, những nội dung và mục tiêu đạt được, mức độ đạt được; mặt chưa đạt được, nguyên nhân cụ thể trên các nội dung sau đây:

1. Cải cách thể chế

- a) Kết quả chủ yếu đã đạt được

- Các thể chế, cơ chế, chính sách văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) thuộc phạm vi quản lý nhà nước đã được xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành, tự ban hành, trong đó, tập trung các nội dung:

- + Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, việc tuân thủ quy trình xây dựng văn bản QPPL.

- + Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh, ngành, huyện.

- + Công tác theo dõi thi hành pháp luật.

- + Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL: Nêu cụ thể tình hình triển khai thực hiện kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

- + Công tác kiểm tra văn bản QPPL.

- Việc tổ chức triển khai hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách, văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành, địa phương:

- + Việc tổ chức triển khai: kết quả, đánh giá tác động của các thể chế, cơ chế, văn bản quy phạm đến việc phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội,...

- + Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

- + Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- a) Kết quả đạt được

- Cải cách thủ tục hành chính (TTHC) trên các lĩnh vực quản lý nhà nước.

- Về kiểm soát TTHC

- + Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC theo các quy định;

- + Việc rà soát, thống kê và đơn giản hóa các TTHC nội bộ theo quy định.

- + Việc thực hiện phân cấp trong giải quyết TTHC

+ Việc đối thoại, tổ chức lấy ý kiến và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính.

- Công khai TTHC theo quy định.

- Việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

+ Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

+ Tình hình, kết quả thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

+ Kết quả thực hiện giải quyết hồ sơ TTHC theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

+ Kết quả giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Kết quả thực hiện lấy ý kiến đánh giá của người dân, tổ chức khi giải quyết TTHC; kết quả về mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về giải quyết TTHC.

+ Tình hình triển khai thực hiện số hóa kết quả và hồ sơ giải quyết TTHC; kết quả khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.

- Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân về giải quyết TTHC.

- Công tác truyền thông và sáng kiến, mô hình, giải pháp cải cách TTHC.

b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

a) Kết quả chủ yếu đã đạt được

- Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy, trong đó nêu rõ mức độ tuân thủ quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính; số lượng tăng, giảm hiện nay qua các đợt sắp xếp tổ chức bộ máy; tình hình tổ chức thực hiện và mức độ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

+ Tình hình quản lý biên chế, thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

+ Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Kết quả sắp xếp các tổ chức bên trong thuộc các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.

- Đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương cấp huyện (cấp huyện báo cáo).

- Về phân cấp quản lý

+ Việc đề xuất đẩy mạnh phân cấp đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

- + Việc thực hiện các quy định phân cấp quản lý.
- + Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý đã phân cấp cho cơ quan hành chính cấp dưới.
- + Xử lý các vấn đề về phân cấp được phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra.
- Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị ở các cấp.
- + Công tác xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra.
- + Kết quả thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra, kết quả xử lý các vấn đề đặt ra sau kiểm tra.
- Cải cách và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.
- Việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. (Đối với cấp huyện)

b) Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Kết quả chủ yếu đã đạt được

- Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức
- + Về xây dựng và thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm;
- + Về xây dựng tiêu chuẩn và cơ cấu công chức, phân cấp quản lý cán bộ, công chức; tuyển dụng, thi nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.
- + Công tác cải cách tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức.
- + Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: nội dung, chương trình và phương thức đào tạo; kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức; số lượng các khóa đào tạo, bồi dưỡng, số lượng cán bộ, công chức qua đào tạo, bồi dưỡng.
- + Xây dựng văn hóa đạo đức nghề nghiệp cán bộ, công chức; nâng cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức cán bộ, công chức.
- + Việc áp dụng công nghệ thông tin, các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.
- Về công chức cấp xã (cấp huyện báo cáo)
- + Cơ cấu, số lượng
- + Chất lượng

b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

5. Cải cách tài chính công

a) Kết quả chủ yếu đạt được

- Việc thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.
- Về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành, huyện.

b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

6. Về Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Kết quả chủ yếu đạt được

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin.
- Việc ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin.
- Kết quả đạt được trong ứng dụng công nghệ thông tin.
- + Về hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm quản lý, dữ liệu chuyên ngành, phát triển nguồn nhân lực CNTT.
- + Việc ứng dụng mạng WAN, LAN trong quản lý, xử lý công việc.
- + Số lượng chữ ký số đã được cấp cho cán bộ, công chức.
- + Việc ứng dụng và khai thác hệ thống giao ban trực tuyến.
- + Việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành; số đơn vị đã sử dụng; tỷ lệ văn bản được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử.
- + Tỷ lệ cán bộ, công chức được cấp tài khoản hộp thư điện tử công vụ.
- + Công tác xử lý hồ sơ công việc qua môi trường mạng (tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng).
- Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp; triển khai hệ thống một cửa điện tử:
- + Tình hình triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến

b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CCHC NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

- Khẳng định những kết quả đã đạt được qua 05 năm cải cách căn cứ vào mục tiêu, nội dung đã được đề ra trong chương trình tổng thể CCHC, chương trình CCHC của tỉnh, kế hoạch CCHC của sở, ban, ngành, địa phương.
- Chú trọng đánh giá hiệu quả các cơ quan hành chính sau khi được cải cách: tác động đến chất lượng quản lý nhà nước, đến phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và địa phương.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Chỉ rõ những chỉ tiêu, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ cải cách không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

- Nêu nguyên nhân của các chỉ tiêu, mục tiêu, nội dung nhiệm vụ không đạt được trong giai đoạn 2021 - 2025. (Nguyên nhân chủ quan, khách quan)

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai CCHC

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CCHC NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Căn cứ vào kết quả giai đoạn 2021 - 2025; chủ trương, đường lối của Đảng, từ yêu cầu CCHC và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, các tỉnh đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần thiết mà tỉnh phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030, đề nghị tập trung vào những nội dung sau:

1. Về cải cách thể chế
2. Về cải cách TTHC
3. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước
4. Về cải cách chế độ công vụ
5. Về cải cách tài chính công
6. Về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Phần thứ ba

NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị đối với UBND tỉnh về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh CCHC nhà nước trong thời gian tới.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác (nếu có).

B. LƯU Ý KHI XÂY DỰNG BÁO CÁO

1. Các sở, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao căn cứ nhiệm vụ CCHC được đề ra trong chương trình, kế hoạch của đơn vị để báo cáo làm rõ các kết quả đạt được, tồn tại hạn chế, nguyên nhân tại Sở, ngành, huyện, thành phố, thị xã và rút ra bài học kinh nghiệm đồng thời đề xuất nhiệm vụ CCHC nhà nước giai đoạn 2026-2030 và những kiến nghị đề xuất có liên quan.

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh cung cấp số liệu theo Phụ lục 01A; UBND các huyện, thành phố, thị xã cung cấp số liệu theo Phụ lục 01B. Riêng Phụ lục 08 áp dụng chung cho tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Đối với một số sở, ngành: Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Tài chính trong báo cáo sơ kết gửi Sở Nội vụ, ngoài nội dung báo cáo theo đề cương, cần làm rõ thêm một số nội dung trong giai đoạn 2021-2025 và cung cấp số liệu tại các Phụ lục kèm theo, cụ thể:

a) Sở Nội vụ

Tổng hợp chung kết quả thực hiện toàn tỉnh về các nội dung:

- Về rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị trong toàn tỉnh; số đơn vị tăng, giảm sau sắp xếp.
- Về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức.
- Kết quả sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, xóm, khối, bản.
- Kết quả xây dựng, phê duyệt, điều chỉnh đề án vị trí việc làm các cơ quan, đơn vị ở các cấp.
- Số lượng biên chế, số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp được giao và hiện có các năm; số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức (kể cả cán bộ, công chức cấp xã) qua các năm.
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nêu rõ số lượng đào tạo, bồi dưỡng hàng năm.
- Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, số lượng lãnh đạo các cấp qua các năm;
- Về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.
- Cung cấp số liệu tại Phụ lục 01, Phụ lục 04A, Phụ lục 04b, Phụ lục 05

b) Văn phòng UBND tỉnh

Tổng hợp chung kết quả thực hiện toàn tỉnh về các nội dung:

- Việc rà soát, cắt giảm TTHC trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước.
- Việc rà soát đơn giản hóa, cắt giảm thời gian thực hiện các TTHC.
- Kiểm soát việc ban hành các TTHC mới.
- Công khai TTHC, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.
- Kết quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công.
- Tình hình chung về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Trong đó nêu rõ số đơn vị đảm bảo, số đơn vị chưa đảm bảo yêu cầu; kết quả giải quyết TTHC qua các năm. Số đơn vị sử dụng và tình hình áp dụng phần mềm một cửa điện tử, tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua hệ thống.
- Kết quả khai thác dịch vụ công trực tuyến. Trong đó nêu rõ số hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết trực tuyến qua các năm.
- Kết quả khai thác, sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ. Tỷ lệ CBCC sử dụng thư điện tử công vụ.
- Cung cấp số liệu tại Phụ lục 03

c) Sở Tư pháp

Tổng hợp chung kết quả thực hiện toàn tỉnh về các nội dung:

- Tình hình triển khai xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc phạm vi trách nhiệm của tỉnh trên cơ sở Hiến pháp năm 2013.
- Việc đổi mới và nâng cao chất lượng ban hành văn bản QPPL.
- Kết quả, tiến độ ban hành văn bản QPPL ở cấp tỉnh qua các năm.
- Việc rà soát, kiểm tra văn bản QPPL; việc xử lý văn bản bản QPPL ban hành trái quy định trên địa bàn tỉnh.
- Cung cấp số liệu tại Phụ lục 02

d) Sở Tài chính

Tổng hợp chung kết quả thực hiện toàn tỉnh về các nội dung:

- Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.
- Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó nêu rõ số liệu qua các năm: Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên; Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; số lượng đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.
- Kết quả thực hiện đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước của tỉnh.
- Việc đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh.
- Về tăng cường công tác quản lý trong lĩnh vực thu hút đầu tư, kết quả thu hút đầu tư qua các năm.
- Về mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội qua các năm do HĐND tỉnh giao (tỷ lệ % số chỉ tiêu đạt và vượt/tổng số chỉ tiêu được giao).

- Cung cấp số liệu tại Phụ lục 06

đ) Sở Khoa học và Công nghệ

Tổng hợp chung kết quả toàn tỉnh về các nội dung:

- Việc xây dựng và kết quả thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh
- Về phát triển hạ tầng số.
- Về phát triển nền tảng và hệ thống số.
- Về phát triển dữ liệu số.
- Tình hình xây dựng, phát triển đô thị thông minh.
- Cung cấp số liệu tại Phụ lục 07./.